



wú bèi
吾辈

noun/pronoun · our generation; we

Example Sentences

wú bèi dāng zì qiáng

吾辈当自强。

Our generation should strive to be strong.

wú bèi jiān fù zhe zhòng yào shǐ mìng

吾辈肩负着重要使命。

We of our generation bear an important mission.

wú bèi qīng nián yīng nǚ lì xué xí

吾辈青年应努力学习。

We of our generation, the youth, should study hard.

Trace each character, then write the word on your own.

吾	吾	吾	吾	吾	吾	吾	吾	吾	吾	
辈	辈	辈	辈	辈	辈	辈	辈	辈	辈	辈
辈	辈	辈	辈							